

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế hoạt động của Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Bắc Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng ngày 19 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật An ninh mạng ngày 12 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

Căn cứ Quyết định số 31/2021/QĐ-TTg ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành quy chế quản lý, vận hành, khai thác Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 32/2017/TT-BTTTT ngày 15 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến và bảo đảm khả năng truy cập thuận tiện đối với trang thông tin điện tử hoặc Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về tiêu chí chức năng, tính năng kỹ thuật của Cổng dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp bộ, cấp tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 74/TTr-STTTT ngày 14 tháng 11 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế hoạt động của Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Bắc Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 12 năm 2022; thay thế Quyết định số 37/2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc ban hành Quy chế hoạt động của Cổng dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh Bắc Giang.

Điều 3. Giám đốc sở, Thủ trưởng cơ quan thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND huyện, thành phố; Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn;
- VP UBND tỉnh;
- + LĐVP, các phòng, Trung tâm TT (đăng CB);
- + Lưu: VT, KGVX.Cường.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Mai Sơn

QUY CHẾ

Hoạt động của Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Bắc Giang
(Kèm theo Quyết định số /2022/QĐ-UBND ngày tháng 12 năm 2022
của UBND tỉnh Bắc Giang)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định về nguyên tắc, trách nhiệm, cơ chế phối hợp trong việc quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính (sau đây viết tắt là TTHC) tỉnh Bắc Giang.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các sở, ngành tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã; các cơ quan Trung ương tổ chức theo ngành dọc tại địa phương, doanh nghiệp cung ứng dịch vụ công được giao giải quyết các TTHC thuộc lĩnh vực quản lý trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC (sau đây viết tắt là Cơ quan giải quyết TTHC).

2. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết TTHC cấp huyện, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết TTHC cấp xã có nhiệm vụ, quyền hạn giải quyết TTHC trên địa bàn tỉnh (sau đây viết tắt là Bộ phận một cửa).

3. Cán bộ, công chức, viên chức của các cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC quy định tại khoản 1 Điều này (sau đây viết tắt là Công chức một cửa).

4. Tổ chức, cá nhân có yêu cầu thực hiện TTHC trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh và tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

5. Khuyến khích các đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước và các cơ quan, tổ chức cung cấp dịch vụ công khác trên địa bàn tỉnh áp dụng Quy chế này trong việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho tổ chức, cá nhân.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh: Là Hệ thống được tạo thành trên cơ sở hợp nhất Cổng Dịch vụ công tỉnh và Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh; là kênh cung cấp thông tin, dịch vụ công trực tuyến thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND các cấp cho tổ chức, cá nhân; đảm bảo các yêu cầu theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng (sau đây viết tắt là Nghị định số 42/2022/NĐ-CP).

2. Tài khoản khai thác, tiếp nhận và xử lý hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh: Là tài khoản cơ quan, tổ chức cấp cho cán bộ, công chức, viên chức sử dụng Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh để khai thác thông tin, thực hiện tiếp nhận, giải quyết TTHC, dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ <https://motcuadientu.bacgiang.gov.vn>.

3. Tài khoản khai thác, nộp hồ sơ trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh: Là tài khoản của công dân, doanh nghiệp tại địa chỉ <https://dichvucong.bacgiang.gov.vn>.

Điều 4. Nguyên tắc hoạt động của Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh

1. Bảo đảm các nguyên tắc thực hiện TTHC trên môi trường điện tử theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện TTHC trên môi trường điện tử (sau đây viết tắt là Nghị định số 45/2020/NĐ-CP).

2. Việc quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh tuân thủ các quy định của pháp luật về kiểm soát TTHC, giao dịch điện tử, an toàn, an ninh thông tin, bảo vệ bí mật nhà nước và các quy định khác có liên quan, bảo đảm việc thực hiện TTHC trên môi trường điện tử, dịch vụ công trực tuyến được thông suốt, tiết kiệm, an toàn, hiệu quả, đúng thẩm quyền, trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

3. Việc tổ chức thông tin trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh với mục tiêu lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm để phục vụ. Các thông tin được cung cấp trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh bảo đảm chính xác, rõ ràng, được cập nhật liên tục, kịp thời theo các quy định của pháp luật. Các thông tin được trình bày khoa học, dễ tiếp cận cho người sử dụng và có thể truy cập, khai thác trong mọi thời điểm.

4. Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh được kết nối thông suốt, liên tục với Cổng dịch vụ công Quốc gia, bảo đảm việc vận hành 24/24 giờ tất cả các ngày trong tuần trên môi trường điện tử.

5. Việc khai thác, sử dụng lại thông tin của tổ chức, cá nhân trong thực hiện các TTHC, dịch vụ công trực tuyến được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ thông tin, dữ liệu cá nhân.

Điều 5. Những hành vi bị nghiêm cấm

1. Các hành vi không được làm khi sử dụng Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh theo quy định tại Điều 9 Luật Giao dịch điện tử số 51/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Điều 12 Luật Công nghệ thông tin số 67/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Điều 7 Luật An toàn thông tin mạng số 86/2015/QH13 ngày 19 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Điều 8 Luật An ninh mạng số 24/2018/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2018 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Điều 5 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC (sau

đây viết tắt là Nghị định số 61/2018/NĐ-CP), khoản 2 Điều 1 Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 (sau đây viết tắt là Nghị định số 107/2021/NĐ-CP).

2. Các hành vi khác có liên quan theo quy định của pháp luật.

Chương II **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Mục 1 **QUẢN LÝ, VẬN HÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN GIẢI QUYẾT** **THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

Điều 6. Cập nhật, cấu hình danh mục cơ quan giải quyết TTHC, TTHC, dịch vụ công trực tuyến

1. Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm cập nhật, sửa đổi, bổ sung tên cơ quan giải quyết TTHC theo quyết định của cấp có thẩm quyền trên cơ sở đồng bộ với Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC hoặc đề nghị của các sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh đối với đơn vị cấp tỉnh hoặc UBND huyện, thành phố đối với đơn vị cấp huyện, cấp xã.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định công bố danh mục TTHC mới ban hành, TTHC sửa đổi, bổ sung, TTHC bị bãi bỏ

a) Các Sở, ban, ngành có trách nhiệm cập nhật danh mục, nội dung TTHC thuộc phạm vi quản lý; rà soát, xây dựng quy trình nội bộ giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền quản lý, trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt hoặc tự phê duyệt theo nội dung được Chủ tịch UBND tỉnh giao hoặc ủy quyền.

Đối với quy trình nội bộ giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền quyết định của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh được trình đồng thời với dự thảo Quyết định công bố danh mục TTHC;

b) Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ do người có thẩm quyền ban hành được gửi đồng thời đến Sở Thông tin và Truyền thông để cấu hình quy trình điện tử giải quyết TTHC lên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh.

c) Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm cấu hình quy trình điện tử giải quyết TTHC lên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh và thực hiện bãi bỏ TTHC đã cấu hình trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh đối với trường hợp TTHC bị bãi bỏ.

d) Cơ quan giải quyết TTHC có trách nhiệm phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện kiểm thử quy trình giải quyết TTHC thuộc quyền quản lý trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh và trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Điều 7. Đăng ký, sử dụng Tài khoản khai thác, nộp hồ sơ trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh

1. Đăng ký Tài khoản trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh

a) Tổ chức, cá nhân đăng ký Tài khoản khai thác, nộp hồ sơ trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh, tại địa chỉ: <http://dichvucong.bacgiang.gov.vn> hoặc đăng ký trên Cổng dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ <http://dichvucong.gov.vn> theo quy định tại Điều 9, Điều 10 Quyết định số 31/2021/QĐ-TTg ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý, vận hành, khai thác Cổng Dịch vụ công quốc gia (sau đây viết tắt là Quyết định số 31/2021/QĐ-TTg) và thực hiện quy định về tài khoản định danh điện tử theo Điều 18 Quyết định số 34/2021/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử trên nền tảng cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu căn cước công dân và cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh;

b) Việc tiếp nhận hồ sơ trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh chỉ được thực hiện khi hồ sơ được gửi từ Tài khoản đã đăng ký tại điểm a khoản 1 Điều này.

2. Đăng nhập, sử dụng Tài khoản khai thác, nộp hồ sơ trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh

Tổ chức, cá nhân sử dụng Tài khoản đã đăng ký thành công tại khoản 1 Điều này để đăng nhập vào Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc đăng nhập vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh để thao tác, thực hiện TTHC trên môi trường điện tử gửi đến cơ quan giải quyết TTHC. Đối với các dịch vụ công trực tuyến của tỉnh chưa cung cấp, tích hợp trên Cổng dịch vụ công quốc gia, tổ chức, cá nhân đăng nhập vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh để thao tác. Việc đăng nhập, quản lý tài khoản của tổ chức, cá nhân thực hiện theo quy định tại Điều 11 và Điều 13 Quyết định số 31/2021/QĐ-TTg.

Điều 8. Quản lý cấp, sử dụng Tài khoản khai thác, tiếp nhận và xử lý hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh

1. Mỗi Cơ quan giải quyết TTHC được cấp tài khoản quản trị để thực hiện việc cấp mới tài khoản, thu hồi tài khoản khi có sự thay đổi cho Công chức một cửa thuộc quyền quản lý.

2. Văn phòng UBND tỉnh được cấp tài khoản truy cập để thực hiện nhiệm vụ theo dõi, tổng hợp tình hình, kết quả giải quyết TTHC và cập nhật thông tin đánh giá việc giải quyết TTHC trên địa bàn tỉnh.

3. Cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin hoặc công chức, viên chức được giao phụ trách công nghệ thông tin của cơ quan giải quyết TTHC được cấp tài khoản để thực hiện rà soát, kiểm tra hồ sơ quá hạn của đơn vị mình vào trước 10h30 sáng và 15h00 chiều hằng ngày. Nếu phát hiện ra hồ sơ quá hạn phải phối hợp với đơn vị giải quyết hồ sơ và Sở Thông tin và Truyền thông đưa ra phương án xử lý.

4. Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm chuyển giao, cấp tài khoản

theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này.

Điều 9. Kết nối, tích hợp, chia sẻ, đồng bộ hóa dữ liệu giữa các Hệ thống thông tin với Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh

Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh được kết nối, tích hợp, chia sẻ, đồng bộ hóa dữ liệu điện tử với Cổng dịch vụ công quốc gia; cổng dịch vụ công của bộ, ngành Trung ương; các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin, phần mềm dùng chung và chuyên ngành khác theo quy định tại các điểm c, điểm e, điểm i Điều 16; điểm e Điều 17 Điều 18 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC (sau đây viết tắt là Thông tư 01/2018/TT-VPCP); điểm c khoản 2 Điều 11, điểm b, c, d khoản 2 Điều 13, điểm c Điều 15, điểm b Điều 16 Nghị định số 42/2022/NĐ-CP và các quy định tại Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan tổ chức.

Điều 10. Nâng cấp, mở rộng Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh

1. Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh thường xuyên được nâng cấp, mở rộng đảm bảo phù hợp với các quy định hiện hành và yêu cầu thực tiễn của địa phương.

2. Các phần mềm phục vụ công tác chuyên ngành có tham gia vào quy trình giải quyết hồ sơ hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh khi đầu tư xây dựng mới bắt buộc phải đảm bảo khả năng tích hợp, chia sẻ với Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh đã triển khai; đồng thời đảm bảo khả năng đồng bộ dữ liệu, cung cấp đầy đủ thông tin phục vụ cho việc tra cứu, thống kê.

3. Các thiết bị phục vụ ứng dụng cho Bộ phận một cửa khi đầu tư mới, bổ sung hoặc thay thế phải đảm bảo chất lượng và tương thích với Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh nhằm khai thác các tính năng, chức năng có liên quan.

4. Hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên môi trường điện tử phải có giao diện thân thiện, dễ sử dụng, an toàn, bảo mật, lấy tổ chức, cá nhân làm trung tâm.

5. Sản phẩm phần mềm cung cấp dịch vụ công trực tuyến được triển khai dưới dạng các dịch vụ để dễ dàng nhân rộng và tùy biến, ít đòi hỏi năng lực công nghệ.

Điều 11. Chế độ báo cáo định kỳ

1. Tên báo cáo, nội dung báo cáo, mẫu đề cương báo cáo chi tiết tại Phụ lục kèm theo Quy chế này.

2. Đối tượng thực hiện báo cáo: Cơ quan giải quyết TTHC.

3. Cơ quan nhận báo cáo: UBND tỉnh (qua Sở Thông tin và Truyền thông).

4. Thời hạn gửi báo cáo định kỳ theo quy định tại Điều 7; thời gian chốt số liệu báo cáo theo quy định tại Điều 6; hình thức, phương thức gửi, nhận báo cáo

định kỳ được thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1, điểm a khoản 2, Điều 5 của Quyết định số 22/2019/QĐ-UBND ngày 11 tháng 9 năm 2019 của UBND tỉnh ban hành Quy định chế độ báo cáo định kỳ thực hiện trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

5. Tần suất thực hiện báo cáo: 06 tháng, 01 năm.

Mục 2

KHAI THÁC HỆ THỐNG THÔNG TIN GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Điều 12. Nộp hồ sơ điện tử thực hiện TTHC

1. Nộp hồ sơ dịch vụ công trực tuyến một phần

a) Trường hợp công dân chưa có chữ ký số cá nhân: Mẫu đơn, tờ khai điền theo mẫu, giấy tờ kèm theo được số hóa (scan) từ bản chính (*không phải chứng thực*) và chia thành từng tập tin (file) riêng biệt, gửi trực tuyến bằng tài khoản đã đăng ký sử dụng dịch vụ công trực tuyến. Khi đến cơ quan nhận kết quả, cá nhân, tổ chức sẽ ký mẫu đơn, tờ khai và đối chiếu giấy tờ có liên quan đã được gửi trực tuyến với bản gốc hoặc bản sao có chứng thực;

b) Trường hợp công dân có chữ ký số cá nhân: Ký số vào mẫu đơn, tờ khai, giấy tờ, tài liệu điện tử nếu có yêu cầu. Chữ ký số của cá nhân, tổ chức phải hợp lệ theo quy định hiện hành. Thành phần hồ sơ được ký chữ ký số có giá trị pháp lý như văn bản giấy được ký hợp lệ.

c) Thanh toán lệ phí: Thực hiện theo quy định tại Điều 16 của Quy chế này.

2. Nộp hồ sơ dịch vụ công trực tuyến toàn trình

a) Thực hiện gửi mẫu đơn, tờ khai, giấy tờ kèm theo như dịch vụ công trực tuyến một phần nhưng phải sử dụng chữ ký số; nếu chưa sử dụng chữ ký số thì ngoài việc gửi trực tuyến như dịch vụ công trực tuyến một phần phải gửi kèm thông qua dịch vụ bưu chính công ích (có ghi mã hồ sơ và hồ sơ có chứng thực của các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền);

b) Thanh toán lệ phí: Thực hiện theo quy định tại khoản Điều 16 của Quy chế này.

3. Sửa đổi, bổ sung thông tin hồ sơ nộp trực tuyến

a) Việc sửa đổi, bổ sung thông tin hồ sơ nộp trực tuyến được thực hiện khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền;

b) Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh thông báo yêu cầu sửa đổi hoặc bổ sung thông tin hồ sơ cho cá nhân, tổ chức qua thư điện tử (e-mail) hoặc tin nhắn trên điện thoại theo đăng ký của cá nhân, tổ chức.

4. Các thông tin, dữ liệu của tổ chức, cá nhân khi thực hiện nộp hồ sơ trực tuyến được lưu trữ trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh để phục vụ cho việc sử dụng lại dữ liệu khi thực hiện các TTHC lần sau theo nhu cầu của tổ chức, cá nhân.

Điều 13. Tiếp nhận, giải quyết, trả kết quả giải quyết TTHC

1. Tiếp nhận hồ sơ TTHC

a) Đối với hồ sơ được nhận trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích, Công chức một cửa tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận một cửa hướng dẫn, hỗ trợ tổ chức, cá nhân đăng ký, đăng nhập tài khoản và nộp hồ sơ điện tử theo quy định tại Điều 7, Điều 12 Quy chế này; trường hợp tổ chức, cá nhân không có nhu cầu nộp hồ sơ điện tử thì công chức một cửa thực hiện tiếp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC (sau đây viết tắt là Nghị định 61/2018/NĐ-CP);

b) Đối với hồ sơ tiếp nhận trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh, công chức một cửa thực hiện theo Quy trình tiếp nhận, giải quyết TTHC quy định tại Điều 11 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP, khoản 2 Điều 17 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP và được bổ sung tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 107/2021/NĐ-CP.

2. Giải quyết TTHC

a) Ngay sau khi tiếp nhận hồ sơ TTHC theo quy định tại khoản 1 Điều này, công chức một cửa thực hiện chuyển hồ sơ đến Cơ quan giải quyết TTHC theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP và khoản 9 Điều 1 Nghị định số 107/2021/NĐ-CP;

b) Việc giải quyết TTHC trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh được thực hiện theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP và khoản 11 Điều 1 Nghị định số 107/2021/NĐ-CP.

3. Trả kết quả giải quyết TTHC

Việc trả kết quả giải quyết TTHC được thực hiện theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP được bổ sung tại khoản 10 Điều 1, khoản 11 Điều 1 Nghị định số 107/2021/NĐ-CP và Điều 14 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP.

Điều 14. Thời gian giải quyết hồ sơ, TTHC trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh

1. Thời điểm tiếp nhận hồ sơ được xác định là thời điểm Cơ quan giải quyết TTHC thực hiện tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân hoặc được Công chức một cửa lập Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh. Trường hợp thời điểm nhập hồ sơ sau 15 giờ thì thời điểm tiếp nhận hồ sơ được tính là thời điểm bắt đầu từ ngày, giờ hành chính của ngày làm việc kế tiếp.

2. Thời gian hẹn trả kết quả ghi trong Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả được cập nhật mặc định trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh theo thời hạn pháp luật quy định đối với từng TTHC.

3. Tổng thời gian giải quyết hồ sơ TTHC được tính từ thời điểm tiếp nhận hồ sơ cho đến thời điểm cơ quan giải quyết TTHC thực hiện bước xác nhận đã có kết quả giải quyết trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh. Trong đó:

a) Hồ sơ giải quyết trước thời hạn là hồ sơ được Cơ quan giải quyết TTHC xác nhận đã có kết quả chậm nhất vào cuối ngày làm việc trước ngày hẹn trả kết quả;

b) Hồ sơ giải quyết đúng hạn là hồ sơ được Cơ quan giải quyết TTHC xác nhận đã có kết quả trong ngày hẹn trả kết quả tính đến thời điểm hẹn trả kết quả;

c) Hồ sơ giải quyết quá hạn là hồ sơ sau thời điểm hẹn trả kết quả nhưng cơ quan giải quyết TTHC chưa xác nhận có kết quả.

4. Trường hợp trả lại hồ sơ do không đủ điều kiện giải quyết thì thời điểm Bộ phận một cửa xác nhận đã có Phiếu từ chối tiếp nhận, giải quyết hồ sơ, đính kèm trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh được tính là thời điểm trả kết quả, thời hạn trả lại hồ sơ phải trong thời hạn giải quyết hồ sơ theo quy định.

5. Trường hợp yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ thì thời điểm Bộ phận một cửa xác nhận đã có Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh tạm dừng tính thời gian xử lý hồ sơ; thời gian xử lý hồ sơ được tính lại từ đầu kể từ khi cán bộ tiếp nhận hồ sơ lập Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả bổ sung, ghi rõ số lần bổ sung và có cùng mã số hồ sơ với Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả trước đó.

6. Thời gian giải quyết hồ sơ của các Cơ quan giải quyết TTHC được Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh cảnh báo trên giao diện xử lý hồ sơ bằng các màu chữ khác nhau, kết hợp thông tin ghi chú trong các trường hợp sau:

a) Khi thời gian giải quyết hồ sơ của Cơ quan giải quyết TTHC vượt quá thời hạn giải quyết của cơ quan đó trong quy trình nội bộ giải quyết TTHC;

b) Khi thời gian giải quyết hồ sơ của Cơ quan giải quyết TTHC còn thời hạn dưới 01 ngày làm việc;

c) Đối với hồ sơ TTHC liên thông có nhiều cơ quan giải quyết, hồ sơ được cảnh báo khi thời điểm tiếp nhận hồ sơ luân chuyển đã vượt quá tổng thời hạn giải quyết của các cơ quan tham gia giải quyết hồ sơ tính đến thời điểm luân chuyển.

Điều 15. Thông tin về kết quả giải quyết TTHC, dịch vụ công trực tuyến cho tổ chức, cá nhân

1. Thông tin về việc giải quyết hồ sơ, TTHC được thông báo cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ thông qua một trong các hình thức đã được đăng ký thỏa thuận khi nộp hồ sơ ban đầu như sau:

a) Thông qua chức năng gửi thư điện tử mà người nộp hồ sơ đăng ký kết nối với Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh;

b) Thông qua tài khoản của tổ chức, cá nhân đã đăng ký để nộp hồ sơ trực tuyến; được cung cấp một Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân tại Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh;

c) Các tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm bảo quản tài khoản, mật khẩu đăng nhập tại Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh để khai thác sử dụng dữ liệu điện tử được lưu giữ trên Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP và quy định của pháp luật hiện hành.

2. Cách thức gửi trả kết quả giải quyết TTHC được thực hiện theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân; phù hợp với mức độ cung cấp dịch vụ công trực tuyến và quy định của pháp luật đối với từng TTHC, bao gồm các cách thức sau: Gửi trực tuyến bằng kết quả có xác thực điện tử, gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích; trường hợp người nộp hồ sơ lựa chọn cách thức nhận kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích thì phải cung cấp thông tin về địa chỉ đăng ký nhận kết quả để cập nhật lên Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; đồng thời trả phí dịch vụ bưu chính công ích theo quy định.

Điều 16. Thanh toán trực tuyến nghĩa vụ tài chính trong giải quyết TTHC

1. Cơ quan giải quyết TTHC chỉ đạo Công chức một cửa hướng dẫn công dân, doanh nghiệp thanh toán trực tuyến đối với những TTHC có phí, lệ phí trên nền tảng thanh toán được tích hợp trên Cổng dịch vụ công Quốc gia.

2. Đối với hồ sơ giải quyết trực tiếp tại Bộ phận một cửa có phí, lệ phí thanh toán không dùng tiền mặt thông qua các hình thức như: sử dụng tài khoản Ngân hàng hoặc tài khoản Ngân hàng số để thanh toán tại Bộ phận một cửa.

3. Căn cứ trên chứng từ nộp ngân sách nhà nước có chữ ký số của ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán và thông tin đã trích nộp vào ngân sách nhà nước thành công, cơ quan giải quyết TTHC thực hiện các bước tiếp theo trong giải quyết TTHC, dịch vụ công trực tuyến cho tổ chức, cá nhân.

Điều 17. Đánh giá của tổ chức, cá nhân về giải quyết hồ sơ TTHC

1. Tổ chức, cá nhân sau khi hoàn thành việc thực hiện hồ sơ TTHC được quyền đánh giá việc giải quyết hồ sơ TTHC của cơ quan giải quyết TTHC thông qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh trên cơ sở xác thực bằng mã số hồ sơ, TTHC, trong đó:

a) Mỗi mã hồ sơ TTHC được dùng để đánh giá trực tuyến việc giải quyết chỉ có giá trị xác thực một lần;

b) Phiếu đánh giá giải quyết hồ sơ TTHC điện tử được cung cấp trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh theo mẫu quy định;

c) Kết quả đánh giá việc giải quyết hồ sơ TTHC được tổng hợp, công khai trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh.

2. Kết quả đánh giá việc giải quyết hồ sơ TTHC, cung cấp dịch vụ công trực tuyến được công bố, công khai định kỳ hằng tháng, hằng năm, làm căn cứ đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hằng năm của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

3. Về việc đánh giá, phân loại, xếp hạng kết quả giải quyết hồ sơ TTHC của các cơ quan giải quyết TTHC được thực hiện tự động trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh và được đồng bộ, tích hợp với Cổng Dịch vụ công Quốc gia.

Điều 18. Lưu trữ hồ sơ TTHC điện tử

1. Yêu cầu hồ sơ TTHC điện tử

a) Hồ sơ TTHC điện tử phải đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại Điều 9 và khoản 3 Điều 14 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP;

b) Tiêu chuẩn dữ liệu thông tin đầu vào của cơ sở dữ liệu hồ sơ TTHC điện tử thực hiện theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 02/2019/TT-BNV ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định tiêu chuẩn dữ liệu thông tin đầu vào và yêu cầu bảo quản tài liệu lưu trữ điện tử (sau đây viết tắt là Thông tư số 02/2019/TT-BNV).

2. Thành phần hồ sơ TTHC điện tử

a) Thành phần hồ sơ TTHC điện tử tại Bộ phận một cửa các cấp, gồm: Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (nếu hồ sơ thiếu); phiếu từ chối giải quyết hồ sơ TTHC (nếu hồ sơ không đúng quy định); phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ; sổ theo dõi hồ sơ; tài liệu khác (nếu có).

b) Thành phần hồ sơ TTHC điện tử tại Cơ quan giải quyết TTHC (cơ quan có thẩm quyền), gồm: Hồ sơ đề nghị và kết quả giải quyết TTHC của người dân, doanh nghiệp; phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả (nếu có); tài liệu khác (nếu có).

c) Các thành phần hồ sơ này được cập nhật trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã và được kết nối liên thông với Cổng dịch vụ công của bộ, ngành, địa phương.

3. Trách nhiệm lập và nộp lưu hồ sơ TTHC điện tử vào Lưu trữ cơ quan

a) Việc lập và nộp lưu hồ sơ giải quyết TTHC điện tử vào Lưu trữ cơ quan theo quy định tại Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ về công tác văn thư và Điều 7 Nghị định số 01/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lưu trữ (sau đây viết tắt là Nghị định số 01/2013/NĐ-CP);

b) Hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC được lưu giữ trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh. Đến thời hạn nộp lưu, hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC được nộp vào Lưu trữ cơ quan của các cơ quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

4. Lưu trữ hồ sơ TTHC điện tử

a) Hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC điện tử được lưu trữ theo quy định của pháp luật về lưu trữ;

b) Việc bảo quản hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC điện tử của các cơ quan phải đảm bảo theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 01/2013/NĐ-CP và Chương III Thông tư số 02/2019/TT-BNV.

Điều 19. Giám sát, đánh giá hiệu quả, mức độ sử dụng dịch vụ công trực tuyến

Việc giám sát, đánh giá hiệu quả, mức độ sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh được thực hiện theo Điều 16 Nghị định số 42/2022/NĐ-CP.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 20. Trách nhiệm cung cấp dịch vụ công trực tuyến

Thực hiện theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 42/2022/NĐ-CP.

Điều 21. Trách nhiệm của Cơ quan giải quyết TTHC

1. Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông để liên hệ, phối hợp với Bộ chuyên ngành thực hiện việc kết nối, tích hợp, chia sẻ, đồng bộ hóa dữ liệu điện tử với Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh.

2. Sở, ngành chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan công khai TTHC, dịch vụ công trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh theo Quy chế này.

3. Quán triệt, chỉ đạo thống nhất việc sử dụng Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ công thuận lợi nhất cho tổ chức, cá nhân và chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về kết quả, tiến độ giải quyết TTHC, dịch vụ công trực tuyến một phần, dịch vụ công trực tuyến toàn trình của ngành, địa phương mình.

4. Thông tin, tuyên truyền để tổ chức, cá nhân biết về Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh trong giải quyết TTHC, dịch vụ công trực tuyến thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, địa phương mình.

5. Sở, ngành chủ trì xây dựng bộ câu hỏi/tra lời về TTHC và dịch vụ công trực tuyến thuộc phạm vi quản lý; phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông để xây dựng, thiết lập và tổng hợp bộ câu hỏi/tra lời về những vấn đề thường gặp trong quá trình giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công trực tuyến và công khai trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh, tích hợp với Cổng Dịch vụ công quốc gia.

6. Đề xuất nâng cấp, mở rộng Hệ thống thông tin giải quyết TTHC phù hợp với các văn bản, quy định hiện hành và nhu cầu thực tiễn, gửi Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp.

7. Thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo theo quy định tại Điều 11 Quy chế này, thông báo kịp thời các sự cố liên quan đến Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh đến Sở Thông tin và Truyền thông để phối hợp xử lý.

Điều 22. Trách nhiệm của Văn phòng UBND tỉnh

1. Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông theo dõi, chỉ đạo, hướng dẫn việc triển khai TTHC trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh theo quy định.

2. Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông triển khai các phương án, giải pháp kết nối, tích hợp Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh với Cổng dịch vụ công Quốc gia, các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin do bộ, ngành Trung ương triển khai để phục vụ hiệu quả giải quyết TTHC, dịch vụ công trực tuyến.

3. Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông hướng dẫn cách thức, phương

pháp đánh giá việc giải quyết hồ sơ TTHC của cơ quan nhà nước thông qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh.

Điều 23. Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông

1. Bảo đảm hạ tầng kỹ thuật cho Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh; kịp thời phát hiện, xử lý, khắc phục sự cố, duy trì hệ thống vận hành thông suốt, liên tục 24/24 giờ tất cả các ngày trong tuần; đảm bảo an toàn, bảo mật thông tin theo quy định; thực hiện chế độ lưu trữ dự phòng dữ liệu; đảm bảo việc tích hợp, liên thông, đồng bộ theo yêu cầu.

2. Chủ trì, phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan liên quan triển khai các phương án, giải pháp kết nối, tích hợp Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh với Cổng dịch vụ công Quốc gia, các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin do bộ, ngành Trung ương triển khai để phục vụ hiệu quả giải quyết TTHC, dịch vụ công trực tuyến.

3. Chủ trì thực hiện việc kết nối, tích hợp, chia sẻ, đồng bộ hóa dữ liệu điện tử quy định tại Điều 9 Quy chế này trên cơ sở đề xuất của các Cơ quan giải quyết TTHC và các cơ quan, tổ chức có liên quan theo quy định của pháp luật.

4. Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị xây dựng cung cấp dịch vụ công trực tuyến. Định kỳ hằng năm, tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh lộ trình cung cấp dịch vụ công trực tuyến và tình hình triển khai thực hiện của các cơ quan, đơn vị.

5. Tổ chức đào tạo, hướng dẫn, hỗ trợ các cơ quan giải quyết TTHC quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh theo quy chế này và quy định pháp luật có liên quan.

6. Chủ trì tổng hợp bộ câu hỏi/ trả lời về những vấn đề thường gặp trong quá trình giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công trực tuyến và công khai trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC, tích hợp với Cổng Dịch vụ công quốc gia.

7. Quản trị nội dung đánh giá việc giải quyết TTHC của Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh.

8. Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương giải quyết TTHC, dịch vụ công trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh.

9. Tổng hợp báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất của các Cơ quan giải quyết TTHC về tình hình sử dụng Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh; tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh tình hình hoạt động, những khó khăn, vướng mắc của Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh để kịp thời xử lý.

10. Hằng năm lập, đề xuất kinh phí nâng cấp, duy trì Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh.

Điều 24. Trách nhiệm của Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan liên quan tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí để triển khai và duy trì hoạt động có hiệu quả Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh.

Điều 25. Trách nhiệm của doanh nghiệp bưu chính công ích

1. Phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện việc tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ TTHC tại địa chỉ theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đảm bảo an toàn, đúng thời gian quy định và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Doanh nghiệp bưu chính công ích có trách nhiệm kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu điện tử trên Hệ thống phục vụ dịch vụ công với Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh.

Điều 26. Trách nhiệm của Công chức một cửa

Công chức một cửa có trách nhiệm sử dụng Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh theo tài khoản được cấp để giải quyết nhiệm vụ được giao, bảo mật thông tin của hệ thống, quản lý tài khoản, giữ bí mật thông tin tài khoản, mật khẩu của mình, trường hợp bị mất, bị đánh cắp hoặc phát hiện có người sử dụng trái phép tài khoản của mình, phải thông báo kịp thời cho cơ quan quản lý và Sở Thông tin và Truyền thông.

Điều 27. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khi sử dụng dịch vụ trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về những thông tin kê khai, đăng ký tài khoản trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh, chỉ sử dụng Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh cho các mục đích hợp pháp và phải chịu trách nhiệm về mọi hoạt động được thực hiện bằng tài khoản của mình.

2. Chịu trách nhiệm đối với tất cả các nội dung do tổ chức, cá nhân gửi, đăng ký, cung cấp khi thực hiện TTHC, dịch vụ công và các tiện ích khác trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh.

3. Thực hiện đầy đủ các quy định về giải quyết TTHC và nộp các khoản phí, lệ phí (nếu có) theo quy định.

4. Tổ chức, cá nhân có quyền chọn lựa kênh cung cấp dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường điện tử và có trách nhiệm tuân thủ những quy định về sử dụng các dịch vụ công trực tuyến đó.

Điều 28. Trách nhiệm thi hành

1. Giám đốc sở, Thủ trưởng cơ quan thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND huyện, thành phố; Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn; Trưởng Cơ quan giải quyết TTHC tỉnh và các đơn vị liên quan có trách nhiệm tổ chức triển khai Quy chế này.

2. Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến Quy chế này có sự điều chỉnh, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các nội dung được điều chỉnh, bổ sung, thay thế trong văn bản mới.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc; các tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh đến Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung Quy chế này cho phù hợp./.

3. Kết quả thực hiện các nội dung quy định tại Quyết định ban hành Quy chế tổ chức và quản lý hoạt động Hệ thống thông tin giải quyết TTHC

Nêu rõ những kết quả đạt được trong việc triển khai tổ chức thực hiện các nội dung theo quy định tại Quyết định ban hành Quy chế tổ chức và quản lý hoạt động Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh.

4. Khó khăn, vướng mắc chủ yếu trong thực hiện tổ chức và quản lý hoạt động Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh; nguyên nhân

- 4.1. Khó khăn, vướng mắc xuất phát từ quy định pháp luật
- 4.2. Khó khăn, vướng mắc trong việc tổ chức thực hiện
- 4.3. Nguyên nhân

II. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

- 1. Về quy định của pháp luật**
- 2. Về các nhiệm vụ và giải pháp thực hiện trong thời gian tới**
- 3. Về đề xuất nâng cấp, mở rộng Hệ thống**

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- Lưu: VT, ...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)